

# TỔNG KẾT PHẦN VĂN HỌC VIỆT NAM

## I – BÀI TẬP

**1.** Nhìn một cách tổng quát, văn học Việt Nam trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao* có những đặc điểm gì ở hai bình diện lịch sử văn học và thể loại sáng tác ?

**2.** Anh (chị) hiểu thế nào là văn học vận động mạnh mẽ theo hướng dân tộc hoá, dân chủ hoá ? Điều ấy dẫn đến phương pháp phân tích, đánh giá các tác phẩm trong giai đoạn văn học này như thế nào ?

**3.** Anh (chị) hiểu khái niệm văn học hiện đại hoá như thế nào ? Thơ mới khác với thơ truyền thống ở những điểm nào ? Cho ví dụ minh họa.

**4.** Nguồn gốc sâu xa của tốc độ phát triển mau lẹ của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 là gì ?

**5.** Vì sao văn học Việt Nam thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 lại phân hoá thành hai bộ phận hợp pháp và bất hợp pháp ? Điểm thống nhất và khác biệt của hai bộ phận văn học này về nội dung và về hình thức là gì ?

**6.** Vì sao văn học Việt Nam từ những giai đoạn cuối cùng của văn học trung đại, nhất là ở vào thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 lại có sự phát triển mạnh mẽ của nhiều cá tính sáng tạo, nhiều phong cách độc đáo ? Hãy so sánh một số tác phẩm cùng thời và cùng thể loại trong chương trình để rút ra nhận xét về những nét độc đáo khác nhau của các cây bút Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Phan Bội Châu, Tân Đà, Xuân Diệu, Nguyễn Bính. (Mỗi học sinh chọn so sánh hai nhà văn nào đó).

## II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

**1.** Bài tập yêu cầu phát biểu khái quát những đặc điểm ở cả hai bình diện lịch sử văn học và thể loại sáng tác. Sau đây là những ý chính.

a) Nhìn một cách tổng quát, văn học Việt Nam trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao* có những đặc điểm đáng lưu ý ở *bình diện lịch sử văn học* :

– Lịch sử văn học được học trong sách giáo khoa gồm các sự kiện thuộc hai thời kì : văn học trung đại (giai đoạn từ nửa cuối thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ

XIX và giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX) và văn học hiện đại (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945).

– Thời kì trung đại với hai giai đoạn cuối có các đặc điểm nổi bật :

+ Văn học vận động mạnh mẽ theo hướng dân tộc hoá và dân chủ hoá.

+ Tiếng Việt nghệ thuật và thơ Nôm phát triển đến trình độ cao đồng thời các chuẩn mực, quy phạm thẩm mĩ của văn học trung đại đã trở nên lỏng lẻo.

+ Ý thức cá nhân của con người đã bắt đầu thức tỉnh khá mạnh mẽ trong giới cầm bút, nhưng chưa có điều kiện hiện đại hoá văn học, nhất là khi văn học phải tập trung vào nhiệm vụ cứu nước.

– Thời kì hiện đại có ba đặc điểm cơ bản :

+ Về diện mạo : nền văn học được hiện đại hoá.

+ Về tốc độ : nền văn học phát triển hết sức mau lẹ.

+ Về cấu trúc : nền văn học có sự phân hoá phức tạp thành nhiều bộ phận, xu hướng, trường phái khác nhau trong quá trình phát triển.

b) Cũng nhìn một cách tổng quát, văn học Việt Nam trong sách giáo khoa có những đặc điểm đáng lưu ý sau đây ở *bình diện thể loại sáng tác* :

– Tất cả các thể loại văn học có trong lịch sử văn học Việt Nam từ trung đại đến hiện đại đều có thể phân làm hai loại lớn : *văn hình tượng* (hay *văn nghệ thuật*) và *văn học thuật* (hay *văn nghị luận*) ; một bên là sản phẩm của tư duy nghệ thuật, một bên là sản phẩm của tư duy lô gích.

– Các thể loại văn học trung đại được học trong Chương trình lớp 11 đều ra đời trong sự khủng hoảng của thi pháp văn học trung đại, tạo ra những chỗ "lệch pha" đặc sắc.

– Văn học hiện đại có nhiều thể loại rất mới : các thể thơ mới, truyện ngắn, tiểu thuyết, phóng sự, kịch nói, phê bình văn học,...

## 2. Bài tập nêu ra hai yêu cầu :

a) Giải thích khái niệm, hiện trạng văn học (dân tộc hoá, dân chủ hoá) ;

b) Định hướng, lựa chọn phương pháp phân tích, đánh giá tác phẩm văn học phù hợp trong tình hình văn học (đang được dân tộc hoá, dân chủ hoá).

Với yêu cầu a cần hiểu thế nào là *dân tộc hoá, dân chủ hoá*, giải thích được thế nào là *văn học vận động mạnh mẽ theo hướng dân tộc hoá, dân chủ hoá*. Cần lưu ý những ý chính sau :

– Văn học dân tộc hoá, dân chủ hoá là văn học mà về nội dung, cảm hứng có xu hướng gắn bó, đi sát hơn với đời sống dân tộc, đời sống nhân dân, nhất là những người lao động, những người bị áp bức khổ đau,... Còn về hình thức nghệ thuật, văn học cũng tìm về với những hình thức nghệ thuật mang tính dân tộc, dân chủ (ví dụ thể thơ dân tộc, chất liệu ngôn từ dân tộc, các phương thức biểu hiện truyền thống của dân tộc, nhân dân, đồng thời cũng phát huy sáng tạo riêng, độc đáo của người cầm bút).

– Văn học Việt Nam suốt hơn mươi thế kỉ đã phát triển theo hướng vận động này, tuy vậy, đến hai giai đoạn cuối, sự vận động này càng trở nên mạnh mẽ và vì vậy, tạo ra được những đột biến. Ví dụ, trong sự vận động mạnh mẽ theo hướng *dân chủ hoá*, do quan tâm đặc biệt đến quyền sống, số phận con người mà chủ nghĩa nhân đạo được mở rộng, khơi sâu hơn rất nhiều. *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Tự tình*, bài II (Hồ Xuân Hương), *Bài ca ngắn đi trên bãi cát* (Cao Bá Quát),... là những bằng chứng thuyết phục về điều này. Các nguyên tắc mĩ học của văn học chính thống trung đại như sử dụng ước lệ dày đặc, uyên bác, cách điệu hoá, không coi trọng cá tính nhà văn,... trở nên lỏng lẻo đi rất nhiều ; trong khi đó, ý thức cá nhân thức tỉnh mạnh mẽ.

Cũng như vậy, trong sự vận động mạnh mẽ theo hướng *dân tộc hoá*, ở các giai đoạn văn học này, tiếng Việt nghệ thuật và thơ Nôm đã "lên ngôi". *Truyện thơ Nôm* của Nguyễn Du, thơ Nôm của Hồ Xuân Hương (giai đoạn từ nửa cuối thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX), thơ văn yêu nước chống thực dân Pháp của Nguyễn Đình Chiểu, thơ về làng cảnh Việt Nam của Nguyễn Khuyến, thơ trào phúng của Trần Tế Xương, v.v. đều có những dấu hiệu dân tộc hoá mạnh mẽ như vậy.

Với yêu cầu b cần nêu được ý thức về sự linh hoạt, hợp lí trong khi lựa chọn, sử dụng phương pháp phân tích, đánh giá tác phẩm văn học thuộc các giai đoạn này. Đặc biệt phải biết đối chiếu với chuẩn mực, quy phạm của văn học trung đại để tìm ra những chỗ "lệch pha", "lệch chuẩn" như là thành tựu của xu hướng dân tộc hoá, dân chủ hoá mạnh mẽ của văn học. Phân tích đánh giá *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thơ Nôm của Hồ Xuân Hương, *Văn tế nghĩa sĩ Cân Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu, thơ Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương,... đều phải theo phương hướng, phương pháp như vậy.

### 3. Bài tập này có hai yêu cầu :

- Giải thích khái niệm văn học hiện đại hoá.
- Chỉ ra chỗ khác nhau giữa thơ truyền thống và thơ mới (có minh họa).

Với yêu cầu a cần lưu ý đặc biệt đến các lời giải thích trong sách giáo khoa : "Ở đây khái niệm hiện đại hoá được hiểu theo nghĩa : Văn học thời kì này thoát ra khỏi hệ thống thi pháp của văn học thời phong kiến trung đại và đổi mới theo hình thức văn học phương Tây"<sup>(1)</sup>.

Với yêu cầu b cần chỉ ra một số phương diện khác nhau, có minh họa :

– Cách nhìn thế giới của nhà thơ hiện đại khác nhà thơ trung đại (ví dụ : họ nhìn tương quan giữa thiên nhiên, vũ trụ và con người rất khác với nhà thơ trung đại).

– Thơ hiện đại là tiếng nói của *cái tôi* cá nhân cá thể, thơ trung đại là tiếng nói của *cái ta* đoàn thể cộng đồng (ví dụ : thơ hiện đại coi trọng những phát hiện cá nhân, những cách nói riêng và nói nhiều đến *cái tôi*, thơ trung đại không có những đặc điểm đó, thậm chí rất kiêng kị nói và bộc lộ *cái tôi*).

– Thơ hiện đại xoá bỏ mọi thứ khuôn mẫu, quy phạm trói buộc cảm xúc, tự do phóng túng, trong khi thơ trung đại lại coi trọng và đòi hỏi tuân thủ các khuôn mẫu quy phạm ấy (ví dụ : thơ trung đại coi trọng niêm luật, thơ hiện đại thích cách diễn đạt tự do, phóng túng,...).

**4.** Bài tập yêu cầu nêu rõ nguồn gốc sâu xa của tốc độ phát triển mau lẹ của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945. Có thể vận dụng kiến thức tổng hợp để trả lời câu hỏi này.

Cần khẳng định được rằng : nguồn gốc sâu xa của tốc độ phát triển mau lẹ của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 chính là sức sống quật cường, mãnh liệt của dân tộc. Sức sống ấy vốn đã tiềm tàng, nhưng đã bị chế độ phong kiến chuyên chế và bảo thủ phong bế, kìm hãm trong suốt một thời gian dài, đến đầu thế kỉ XX sức sống ấy mới có điều kiện được giải phóng và kích thích để phát triển.

**5.** Bài tập này có hai yêu cầu :

a) Giải thích nguyên nhân việc phân hoá thành hai bộ phận văn học.

b) Nêu ra chỗ thống nhất và khác biệt (về nội dung và hình thức) của hai bộ phận văn học.

Để giải quyết hai yêu cầu này, học sinh cần làm rõ một số ý sau :

Với yêu cầu a : Nguyên nhân của sự phân hoá thành hai bộ phận (bộ phận bất hợp pháp và bộ phận hợp pháp) là văn học thời kì này tồn tại, phát triển dưới quyền thống trị của thực dân Pháp. Hoàn cảnh này dẫn đến những kiểu thái độ

---

(1) Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945, trong sách giáo khoa Ngữ văn 11 Nâng cao, tập một, trang 109.

chính trị khác nhau của người cầm bút : hoặc trực tiếp chống thực dân Pháp (bộ phận bất hợp pháp), hoặc không trực tiếp chống thực dân Pháp (bộ phận hợp pháp).

Với yêu cầu b :

– Điểm thống nhất : *Về tư tưởng*, cả hai bộ phận đều phát huy truyền thống yêu nước và nhân đạo trên lập trường dân chủ ; *về hình thức*, cả hai bộ phận đều phải đáp ứng nhu cầu hiện đại hoá.

– Điểm khác biệt : *Về tư tưởng*, mỗi bộ phận thể hiện các tư tưởng trên theo một mức độ, dạng thức riêng (học sinh cần nêu rõ chỗ khác biệt này) ; *về hình thức*, bộ phận hợp pháp có nhiều điều kiện và dễ có nhiều đóng góp cụ thể, sâu sắc hơn trong việc đáp ứng nhu cầu hiện đại hoá văn học. Bộ phận bất hợp pháp, tiếp thu kinh nghiệm của các cây bút thuộc bộ phận hợp pháp hoặc tiếp nhận ảnh hưởng trực tiếp của văn hoá nhân loại (như Tố Hữu tiếp thu thành tựu của các nhà thơ mới, Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận ảnh hưởng của môi trường văn hoá phương Tây để viết những truyện, ký rất hiện đại).

6. Bài tập có hai yêu cầu :

a) Giải thích nguyên nhân sự phát triển mau lẹ của văn học (từ những giai đoạn cuối cùng của văn học trung đại, nhất là ở vào thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945).

b) So sánh và rút ra nét độc đáo của một số tác giả thuộc văn học Việt Nam được tuyển học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao*.

Với yêu cầu a về nguyên nhân sự phát triển mau lẹ của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 có thể giải thích như sau :

– Hai giai đoạn cuối của văn học trung đại Việt Nam phát triển trong sự thức tỉnh và giải phóng tiềm lực sống dân tộc. Đây là thời kì văn học vận động mạnh mẽ theo hướng dân tộc hoá, dân chủ hoá. Sự thức tỉnh mạnh mẽ ý thức cá nhân ở những người cầm bút thuộc tầng lớp trí thức Hán học là lí do trực tiếp khiến văn học hậu kì trung đại phát triển nhanh chóng với nhiều cá tính sáng tạo, nhiều phong cách độc đáo.

– Thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945, tiềm lực sống dân tộc ấy càng được giải phóng và kích thích mạnh mẽ, mãnh liệt hơn. Sức sống mạnh mẽ ấy tồn tại tiềm ẩn trong tầng lớp trí thức tiểu tư sản Tây học. Do môi trường sinh hoạt đô thị và ảnh hưởng của tư tưởng, văn hoá phương Tây hiện đại, lại tìm thấy ở nghề văn một triển vọng to lớn để khẳng định và nâng cao ý nghĩa đời sống cá nhân, một lớp trí thức Tây học trẻ đã vào nghề văn một cách "hăm hở, ào ạt như tìm được một lẽ sống, một lối thoát đẹp"<sup>(1)</sup>. Họ đã đẩy mạnh tốc độ phát

---

(1) *Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945*, trang 109.

triển của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 với một tinh thần như vậy. Và cũng trên tinh thần đó, văn học càng phát triển với nhiều cá tính sáng tạo, nhiều phong cách độc đáo.

Với yêu cầu bù tuỳ theo lựa chọn cá nhân, có thể so sánh *Tự tình* (bài II) của Hồ Xuân Hương với *Chiều hôm nhớ nhà* của Bà Huyện Thanh Quan để thấy cá tính độc đáo của hai nữ sĩ ; so sánh *Tiến sĩ giấy* của Nguyễn Khuyến với *Vịnh khoa thi hương* của Trần Tế Xương để thấy nét độc đáo của hai phong cách thơ trào phúng của văn học cuối thế kỉ XIX. Cũng có thể so sánh *Thơ duyên* của Xuân Diệu với *Tương tư* của Nguyễn Bính hay *Hầu Trời* của Tân Đà với *Tống biệt hành* của Thâm Tâm để thấy cái hay độc đáo của thơ hiện đại.